

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2024

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Minh Luân.

Ông Đoàn Văn Nhanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-9-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2024 ngày 23-7-2004. Bà và ông L sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông L thường xuyên say rượu về chửi mắng bà H. Bà và ông L đã ly thân từ ngày 20-7-2024 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh ngày 25-7-2006 và Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 13-02-2015 - hiện đang sống với ông L. Khi ly hôn, con chung Nguyễn Nhựt P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Phương N cho ông L nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai (không đề ngày tháng năm), quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông đồng ý lời trình bày của bà H về ngày tháng, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, không có tài sản chung và nợ chung. Ông L biết bản thân đã sai nên xin bà H tha thứ, ông hứa khắc phục khuyết điểm.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Ông yêu cầu đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh ngày 25-7-2006 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 13-02-2015, hiện đang sống với ông. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn L, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 23-7-2004 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của ông L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H và ông L thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần ông L say rượu về nhà chửi mắng bà H, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông bà sống ly thân từ ngày 23-7-2024 đến nay. Ông L thừa nhận hành vi của bản thân là sai, gây mất hạnh phúc gia đình. Ông L hứa sẽ khắc phục. Ông L yêu cầu đoàn tụ tuy nhiên không đưa ra biện pháp hữu hiệu nào để vợ chồng quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa bà H nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông L, vì hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh ngày 25-7-2006 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Nguyễn Thị Phương N sinh ngày 13-02-2015 ông L không đồng ý cho viết bản tự khai ghi nhận ý kiến. Nhưng xét bà H và ông L thống nhất giao cho ông L nuôi dưỡng, từ khi bà H và ông L sống ly thân con chung do ông L nuôi dưỡng. Vì vậy nhằm tránh sự thay đổi về tâm lý con chung nên giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng theo sự thống nhất của các đương sự là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7.2] Ông L không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh ngày 25-7-2006 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Văn L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 13-02-2015 hiện đang sống với ông L. Bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông L có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004732 ngày 15-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-11-2024).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái